



CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán. Thuế. Tài chính doanh nghiệp. Đào tạo

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 từ trang 5 đến trang 26 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Huy Thăng	Chủ tịch (bổ nhiệm từ ngày 24/05/2013)
Ông Lê Ngọc Cơ	Chủ tịch (miễn nhiệm từ ngày 24/05/2013)
Bà Lê Thị Hoàng Mai	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm từ ngày 24/05/2013)
Ông Trương Thanh Châu	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm từ ngày 24/05/2013)
Ông Richard Ducan	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 24/05/2013)
Ông Nguyễn Văn Tân	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 24/05/2013)
Ông Kim Anders Odhner	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 24/05/2013)
Bà Nguyễn Ngọc Lan	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 24/05/2013)
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 24/05/2013)
Bà Võ Ngọc Xuân	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 24/05/2013)

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Đăng Huy	Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 08/04/2013)
Ông Nguyễn Hoàng Anh Phi	Giám đốc (miễn nhiệm từ 08/04/2013)
Bà Nguyễn Ngọc Lan	Phó Giám đốc (miễn nhiệm từ 08/04/2013)
Ông Trương Thanh Châu	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Minh Hiếu	Bổ nhiệm từ ngày 08/04/2013
Ông Võ Thanh Bình	Miễn nhiệm từ ngày 08/04/2013

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 kèm theo được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đỗ Đăng Huy
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2013



Số: 60/2013/UHYHCM-BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2013 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 08 tháng 08 năm 2013, trình bày từ trang 5 đến trang 26 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn tại ngày 30/06/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Như đã nêu tại mục 26.3 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, Chúng tôi xin lưu ý rằng Công ty đang trong giai đoạn tạm ngừng hoạt động để nâng cấp, cải tạo Khách sạn Sài Gòn. Dự kiến, Công ty sẽ hoạt động trở lại đầu năm 2014.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số:
1496-2013-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2013

Tô Thị Thanh Nga

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số:
1183-2013-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30/06/2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.750.758.137	34.642.293.250
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	19.719.717.954	31.829.016.113
Tiền	111		1.299.717.954	3.229.016.113
Các khoản tương đương tiền	112		18.420.000.000	28.600.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	79.766.000	77.937.960
Đầu tư ngắn hạn	121		136.595.000	136.595.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(56.829.000)	(58.657.040)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.536.872.426	2.246.721.430
Phải thu khách hàng	131		13.363.112	1.594.315.663
Trả trước cho người bán	132		12.742.634.713	93.787.640
Các khoản phải thu khác	135	6	780.874.601	1.264.006.614
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	(705.388.487)
Hàng tồn kho	140		206.403.427	357.947.795
Hàng tồn kho	141	7	206.403.427	357.947.795
Tài sản ngắn hạn khác	150		207.998.330	130.669.952
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		61.970.446	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		76.027.884	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	48.659.222
Tài sản ngắn hạn khác	158		70.000.000	82.010.730
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.214.064.082	13.852.229.929
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		8.699.518.709	8.780.019.779
Tài sản cố định hữu hình	221	10	5.221.140.021	6.156.556.466
- Nguyên giá	222		31.417.388.208	33.390.644.606
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.196.248.187)	(27.234.088.140)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	3.478.378.688	2.623.463.313
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	8	4.154.900.000	4.104.044.800
Đầu tư dài hạn khác	258		4.154.900.000	4.154.900.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	(50.855.200)
Tài sản dài hạn khác	260		359.645.373	968.165.350
Chi phí trả trước dài hạn	261		59.645.373	668.165.350
Tài sản dài hạn khác	268	9	300.000.000	300.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		46.964.822.219	48.494.523.179

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 30/06/2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.733.716.756	2.665.468.865
Nợ ngắn hạn	310		2.373.716.756	2.305.468.865
Phải trả người bán	312		-	207.851.659
Người mua trả tiền trước	313		10.180.000	193.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	180.469.977	197.907.514
Phải trả người lao động	315		37.504.159	212.192.849
Chi phí phải trả	316	13	1.735.132.980	1.467.256.980
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	87.467.923	165.761.328
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		322.961.717	54.305.535
Nợ dài hạn	330		360.000.000	360.000.000
Phải trả dài hạn khác	333	15	360.000.000	360.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		44.231.105.463	45.829.054.314
Vốn chủ sở hữu	410	16	44.231.105.463	45.829.054.314
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		17.662.969.959	17.662.969.959
Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.868.174.955	1.868.174.955
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.537.067.072	1.537.067.072
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.766.296.996	1.766.296.996
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		21.396.596.481	22.994.545.332
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		46.964.822.219	48.494.523.179

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
Nợ khó đòi đã xử lý			705.388.487	-
Ngoại tệ các loại			26.748,25	26.550
- USD			26.748,25	26.550

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2013

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Minh Hiếu



Trần Thị Minh Hiếu

Đỗ Đăng Huy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	6.789.738.028	13.132.353.507
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	17	21.273.152	41.286.752
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	6.768.464.876	13.091.066.755
Giá vốn hàng bán	11	18	4.022.213.091	6.252.197.764
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.746.251.785	6.838.868.991
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.098.119.363	1.347.480.204
Chi phí tài chính	22	20	(49.722.756)	(855.714.792)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.539.386.773	2.980.906.372
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.354.707.131	6.061.157.615
Thu nhập khác	31		1.042.547.807	53.437.560
Chi phí khác	32		315.107.714	120.000.000
Lợi nhuận khác	40		727.440.093	(66.562.440)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.082.147.224	5.994.595.175
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	587.018.556	1.530.319.848
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.495.128.668	4.464.275.327
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	721	2.282

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2013

Kế toán trưởng

Giám đốc

Tm



Trần Thị Minh Hiếu

Đỗ Đăng Huy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		2.082.147.224	5.994.595.175
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		829.291.618	1.031.039.825
Các khoản dự phòng	3		(758.071.727)	(859.581.640)
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(2.012.416.038)	(1.338.589.517)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		140.951.077	4.827.463.843
Tăng giảm các khoản phải thu	9		(11.029.962.941)	(3.294.335.578)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		151.544.368	265.456.392
Tăng giảm các khoản phải trả	11		(304.954.679)	3.811.818.689
Tăng giảm chi phí trả trước	12		546.549.531	(137.297.190)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(482.472.168)	(1.528.864.208)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	2.188.199.480
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(805.808.190)	(368.550.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.784.153.002)	5.763.891.428
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(854.915.375)	(155.967.135)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		1.001.672.726	-
Tiền lãi đã nhận	27		1.282.713.526	1.338.589.517
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.429.470.877	1.182.622.382
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.763.920.000)	(3.523.380.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.763.920.000)	(3.523.380.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(12.118.602.125)	3.423.133.810
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	31.829.016.113	25.422.583.840
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		9.303.966	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	19.719.717.954	28.845.717.650

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2013

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Hiếu



Đỗ Đăng Huy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0300850255 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/04/1994 (đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 29/05/2013) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 12/07/2001, Công ty đã chính thức niêm yết 1.766.300 cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) với mã cổ phiếu là: SGH. Ngày 30/07/2009, Công ty đã chuyển giao dịch từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sang Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty có trụ sở chính tại số 41-47 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Kinh doanh phòng nghỉ, văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh ăn uống và vũ trường;
- Thu đổi ngoại tệ cho khách;
- Dịch vụ du lịch, lữ hành trong cả nước, và quốc tế;
- Dịch vụ vui chơi giải trí, bán hàng lưu niệm, mua bán sách, dịch vụ phòng họp cho khách tại khách sạn;
- Vận chuyển khách du lịch; dịch vụ vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Kinh doanh Karaoke;
- Dịch vụ xoa bóp, xông hơi;
- Mua bán rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Dịch vụ giặt, ủi, hấp;
- Mua bán sách (có nội dung được phép lưu hành);
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam (doanh nghiệp) và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản có hiệu lực thi hành từ ngày 10/06/2013.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.5 LẬP DỰ PHÒNG

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10

3.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Các khoản đầu tư bao gồm tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng, các khoản đầu tư mua cổ phiếu và góp vốn vào các Công ty khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% nhằm thu lợi nhuận. Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

3.8 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.9 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.11 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động kinh doanh phòng nghỉ, kinh doanh ăn uống và các dịch vụ khác.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	44.075.000	113.016.000
Tiền gửi ngân hàng	1.255.642.954	3.116.000.113
Các khoản tương đương tiền (*)	18.420.000.000	28.600.000.000
Cộng	19.719.717.954	31.829.016.113

(*): Là tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống tại các Ngân hàng thương mại.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2013		Tại 01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	CP	VND	CP	VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		136.595.000		136.595.000
- Công ty CP XNK Khánh Hội	3.240	65.446.000	3.240	65.446.000
- Công ty CP Gạch men Thanh Thanh	1.450	42.690.000	1.450	42.690.000
- Công ty CP Bao Bì Dầu Thực Vật	1.052	28.459.000	1.052	28.459.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(56.829.000)		(58.657.040)
Cộng		79.766.000		77.937.960

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
	-	657.484.745
Phải thu ông Lê Thành Chơn tiền tài sản tổ giặt		
Phải thu ông Lê Chí Khâm tiền phạt thuế	-	47.903.742
Kinh phí công đoàn nộp thừa	36.461.807	3.721.460
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	125.054.167	320.416.667
Cổ tức Đại học Hoa Sen	-	234.480.000
Lương công trình, lương chờ việc	587.363.827	-
Thuế thu nhập cá nhân	17.355.864	-
Phải thu khác	14.638.936	-
Cộng	780.874.601	1.264.006.614

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. HÀNG TỒN KHO

	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	89.440.734	185.443.284
Công cụ, dụng cụ	116.962.693	130.485.647
Hàng hoá	-	42.018.864
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	206.403.427	357.947.795

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 30/06/2013		Tại 01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	CP	VND	CP	VND
Đầu tư dài hạn khác		4.154.900.000		4.154.900.000
- Đầu tư cổ phiếu		4.154.900.000		4.154.900.000
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông (*)	369.759	2.794.900.000	326.672	2.794.900.000
+ Trường Đại học Hoa Sen (**)	468.960	1.360.000.000	195.400	1.360.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn				(50.855.200)
Cộng		4.154.900.000		4.104.044.800

(*): Số lượng cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Phương Đông tăng lên là 43.087 cổ phiếu. Ngoài ra khoản đầu tư này chưa được xem xét trích lập dự phòng giảm giá tại ngày 30/06/2013.

(**): Số lượng cổ phiếu của Trường Đại học Hoa Sen tăng lên do được nhận 273.560 cổ phiếu thưởng.

9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Ký quỹ cung cấp dịch vụ lữ hành	300.000.000	300.000.000
Cộng	300.000.000	300.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ, quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Tại ngày 01/01/2013	27.406.335.462	3.525.980.768	1.594.772.869	863.555.507	33.390.644.606
- Phân loại lại	552.466.825	(552.466.825)	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(898.064.093)	(148.272.735)	(439.080.918)	(1.485.417.746)
- Giảm khác (*)	(54.972.030)	(309.614.104)	(25.828.118)	(97.424.400)	(487.838.652)
Tại ngày 30/06/2013	27.903.830.257	1.765.835.746	1.420.672.016	327.050.189	31.417.388.208

Giá trị hao mòn lũy kế

Tại ngày 01/01/2013	22.740.734.554	2.788.921.703	916.496.662	787.935.221	27.234.088.140
- Khấu hao trong kỳ	638.885.107	130.027.920	45.549.035	14.829.556	829.291.618
- Phân loại lại	196.466.280	(196.466.280)	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(889.145.170)	(148.272.735)	(409.475.460)	(1.446.893.365)
- Giảm khác (*)	(40.059.298)	(266.986.881)	(15.767.627)	(97.424.400)	(420.238.206)
Tại ngày 30/06/2013	23.536.026.643	1.566.351.292	798.005.335	295.864.917	26.196.248.187

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình

Tại ngày 01/01/2013	4.665.600.908	737.059.065	678.276.207	75.620.286	6.156.556.466
Tại ngày 30/06/2013	4.367.803.614	199.484.454	622.666.681	31.185.272	5.221.140.021

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.020.712.063 VND

(*): Giảm nguyên giá và giá trị còn lại của một số tài sản không đủ tiêu chuẩn được ghi nhận là tài sản cố định theo quy định của tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

Là chi phí đầu tư nâng cấp, sửa chữa tổng thể Khách sạn Sài Gòn.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 30/06/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Thuế GTGT	-	125.234.445
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	170.571.413	66.025.025
Thuế thu nhập cá nhân	9.898.564	-
Cộng	180.469.977	197.907.514

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Là khoản tạm tính tiền thuế đất 6 tháng đầu năm 2013.

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Bảo hiểm xã hội	3.238.867	-
Bảo hiểm y tế	4.206.048	-
Bảo hiểm thất nghiệp	1.307.448	-
Kinh phí hoạt động HĐQT và BKS năm 2011	-	75.402.768
Cổ tức phải trả	27.800.000	25.420.000
Hoa hồng phải trích năm 2012	970.560	14.993.560
Các khoản phải trả, phải nộp khác	49.945.000	49.945.000
Cộng	87.467.923	165.761.328

15. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Nhận đặt cọc thuê mặt bằng - Zen bar	360.000.000	360.000.000
Cộng	360.000.000	360.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ của Công ty đăng ký theo Giấy chứng nhận kinh doanh là: 18.000.000.000 đồng (Mười tám tỷ đồng), chia thành 1.800.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần, trong đó:

- Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn nắm giữ 720.000 cổ phần tương ứng với 7.200.000.000 đồng, chiếm 40% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 1.080.000 cổ phần tương ứng với 10.800.000.000 đồng, chiếm 60% vốn điều lệ.

Đến thời điểm 30/06/2013, Công ty chưa góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Tình hình góp vốn của Công ty như sau:

Chủ sở hữu	Theo đăng ký kinh doanh		Đã góp đến 30/06/2013 VND	Vốn góp thiếu 30/06/2013 VND
	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ %		
Vốn Nhà nước	7.200.000.000	40%	6.862.969.959	337.030.041
Cổ đông khác	10.800.000.000	60%	10.800.000.000	-
Cộng	18.000.000.000	100%	17.662.969.959	337.030.041

16.2 CỔ PHIẾU

	Tại 30/06/2013 Cổ phiếu	Tại 01/01/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	1.800.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	1.766.300	1.766.300
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	<i>1.766.300</i>	<i>1.766.300</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.766.300	1.766.300
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	<i>1.766.300</i>	<i>1.766.300</i>
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

16.3 CÁC QUỸ

	Tại 30/06/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.537.067.072	1.537.067.072
Quỹ dự phòng tài chính	1.766.296.996	1.766.296.996

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	17.662.969.959	1.868.174.955	1.537.067.072	1.766.296.996	18.793.947.880	41.628.456.862
- Lãi trong năm	-	-	-	-	9.814.038.713	9.814.038.713
- Trích lập quỹ KT, PL từ LN 2011	-	-	-	-	(953.611.070)	(953.611.070)
- Chia cổ tức 2011	-	-	-	-	(3.532.600.000)	(3.532.600.000)
- Lợi nhuận từ phí phục vụ phải trả CNV	-	-	-	-	(899.706.883)	(899.706.883)
- Tạm trích thù lao HĐQT từ LN 2011	-	-	-	-	(238.402.768)	(238.402.768)
- Tăng khác	-	-	-	-	11.879.460	11.879.460
- Giảm khác	-	-	-	-	(1.000.000)	(1.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	17.662.969.959	1.868.174.955	1.537.067.072	1.766.296.996	22.994.545.332	45.829.054.314
Tại ngày 01/01/2013	17.662.969.959	1.868.174.955	1.537.067.072	1.766.296.996	22.994.545.332	45.829.054.314
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	1.495.128.668	1.495.128.668
- Trích lập quỹ KT, PL từ LN 2012	-	-	-	-	(891.433.182)	(891.433.182)
- Chia cổ tức 2012	-	-	-	-	(1.766.300.000)	(1.766.300.000)
- Lợi nhuận từ phí phục vụ phải trả CNV	-	-	-	-	(212.486.041)	(212.486.041)
- Trích thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(222.858.296)	(222.858.296)
Tại ngày 30/06/2013	17.662.969.959	1.868.174.955	1.537.067.072	1.766.296.996	21.396.596.481	44.231.105.463



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. DOANH THU

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.789.738.028	13.132.353.507
Trong đó:		
+ Doanh thu phòng ngủ	4.155.348.615	8.285.858.044
+ Doanh thu ăn uống	1.257.141.281	2.445.499.079
+ Doanh thu dịch vụ khác	1.093.933.411	1.828.703.381
+ Doanh thu phí dịch vụ	283.314.721	572.293.003
Các khoản giảm trừ doanh thu	21.273.152	41.286.752
Trong đó:		
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	21.273.152	41.286.752
Doanh thu thuần	6.768.464.876	13.091.066.755
Trong đó:		
+ Doanh thu phòng ngủ	4.155.348.615	8.285.858.044
+ Doanh thu ăn uống	1.257.141.281	2.445.499.079
+ Doanh thu dịch vụ khác	1.072.660.259	1.787.416.629
+ Doanh thu phí dịch vụ	283.314.721	572.293.003

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Giá vốn phòng ngủ	864.194.546	2.341.956.064
Giá vốn ăn uống	1.144.782.720	1.720.851.627
Giá vốn dịch vụ khác	2.013.235.825	2.189.390.073
Cộng	4.022.213.091	6.252.197.764

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.082.007.026	1.260.429.517
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.344.000	78.160.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.464.371	8.890.687
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.303.966	-
Cộng	1.098.119.363	1.347.480.204

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.960.484	3.866.848
Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán	(52.683.240)	(859.581.640)
Cộng	(49.722.756)	(855.714.792)

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/06/2013 và sẽ được điều chỉnh khi Công ty thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp vào cuối năm tài chính.

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.495.128.668	4.464.275.327
Số điều chỉnh giảm	(221.790.007)	(433.769.276)
+ Phí phục vụ phải trả công nhân viên	(212.486.041)	(433.769.276)
+ Chênh lệch tỷ giá các khoản mục tiền tệ	(9.303.966)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.273.338.661	4.030.506.051
Số cổ phiếu bình quân	1.766.300	1.766.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	721	2.282

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	638.664.223	1.223.465.241
Chi phí nhân công	1.917.521.842	3.155.757.022
Chi phí khấu hao tài sản cố định	829.291.618	1.031.039.825
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.062.909	10.070.000
Chi phí khác bằng tiền	3.046.059.272	3.812.772.048
Cộng	6.561.599.864	9.233.104.136

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.8.

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2013 VND	30/06/2013 USD	30/06/2013 VND	30/06/2013 USD
Đô la Mỹ (USD)	565.190.523	26.748,25	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã tiến hành lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại 30/06/2013	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	-	-	-	-
Chi phí phải trả	1.735.132.980	-	-	1.735.132.980
Các khoản phải trả khác	87.467.923	-	-	87.467.923
Công nợ tài chính khác	-	-	360.000.000	360.000.000
Cộng	1.822.600.903	-	360.000.000	2.182.600.903

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Tại 01/01/2013	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	207.851.659	-	-	207.851.659
Chi phí phải trả	1.467.256.980	-	-	1.467.256.980
Các khoản phải trả khác	165.761.328	-	-	165.761.328
Công nợ tài chính khác	-	-	360.000.000	360.000.000
Cộng	1.840.869.967	-	360.000.000	2.200.869.967

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 30/06/2013	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.719.717.954	-	-	19.719.717.954
Phải thu khách hàng	13.363.112	-	-	13.363.112
Đầu tư dài hạn khác	-	4.154.900.000	-	4.154.900.000
Các khoản phải thu khác	780.874.601	-	-	780.874.601
Tài sản tài chính khác	-	300.000.000	-	300.000.000
Cộng	20.513.955.667	300.000.000	-	24.968.855.667

Tại 01/01/2013	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.829.016.113	-	-	31.829.016.113
Phải thu khách hàng	888.927.176	-	-	888.927.176
Đầu tư dài hạn khác	-	4.104.044.800	-	4.104.044.800
Các khoản phải thu khác	1.264.006.614	-	-	1.264.006.614
Tài sản tài chính khác	-	300.000.000	-	300.000.000
Cộng	33.981.949.903	300.000.000	-	38.385.994.703

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: Kinh doanh phòng nghỉ, Kinh doanh ăn uống và dịch vụ khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Báo cáo chính yếu, báo cáo bộ phận thứ yếu trình bày theo khu vực địa lý. Công ty chỉ phát sinh doanh thu tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty không theo dõi tài sản và nợ phải trả theo từng bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

Doanh thu thuần từ bán hàng
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ
Chi phí bộ phận

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Kinh doanh Phòng nghỉ	Kinh doanh ăn uống	Dịch vụ khác và phí phục vụ	Cộng
VND	VND	VND	VND
4.155.348.615	1.257.141.281	1.355.974.980	6.768.464.876
4.155.348.615	1.257.141.281	1.355.974.980	6.768.464.876
864.194.546	1.144.782.720	2.013.235.825	4.022.213.091
3.291.154.069	112.358.561	(657.260.845)	2.746.251.785
-	-	-	(2.539.386.773)
-	-	-	206.865.012
-	-	-	1.098.119.363
-	-	-	49.722.756
-	-	-	1.042.547.807
-	-	-	(315.107.714)
-	-	-	(587.018.556)
-	-	-	-
-	-	-	1.495.128.668

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

26.1 THU NHẬP CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Tổng thu nhập Ban Giám đốc	435.750.000	470.250.000
<i>Lương và phụ cấp</i>	<i>346.350.000</i>	<i>297.000.000</i>
<i>Tiền thưởng</i>	<i>89.400.000</i>	<i>173.250.000</i>
<i>Các khoản phúc lợi khác</i>	-	-

26.2 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty là các công ty con và các công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH-MTV.

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Mua hàng, dịch vụ từ các bên liên quan	45.410.090	-
- Công ty Truyền hình Cáp Sài Gòn Tourist	25.600.000	-
- Công ty Cổ phần Tân Sơn	19.810.090	-

26.3 THÔNG TIN KHÁC

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2013 số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 05 năm 2013 của Công ty cổ phần Khách sạn Sài Gòn, theo đó, Công ty tạm ngừng kinh doanh từ ngày 14/06/2013 để nâng cấp, cải tạo Khách sạn Sài Gòn. Dự tính Công ty sẽ hoạt động kinh doanh trở lại từ tháng 03 năm 2014.

26.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012 của Công ty đã được soát xét.

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Hiếu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2013

Giám đốc



Đỗ Đăng Huy